ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG KIẾN TƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2465/QĐ-UBND	*Kiến Tường, ngày 23 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình Cải tạo, chỉnh trang mặt đê đường Lê Lợi (Đoạn Quốc lộ 62 - Nguyễn Du) và đường Nguyễn Du (đoạn Lê Lợi – Huỳnh Việt Thanh)

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG KIẾN TƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND phường Kiến Tường về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Cải tạo, chỉnh trang mặt đê đường Lê Lợi (Đoạn Quốc lộ 62 - Nguyễn Du) và đường Nguyễn Du (đoạn Lê Lợi – Huỳnh Việt Thanh);

Qua Thông báo số 542/TB-KTHTĐT ngày 23/12/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Kiến Tường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, chỉnh trang mặt đê đường Lê Lợi (Đoạn Quốc lộ 62 - Nguyễn Du) và đường Nguyễn Du (đoạn Lê Lợi – Huỳnh Việt Thanh);

Xét Tờ trình số 550/TTr-KTHTĐT ngày 23/12/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Kiến Tường về việc trình phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Cải tạo, chỉnh trang mặt đê đường Lê Lợi (Đoạn Quốc lộ 62 - Nguyễn Du) và đường Nguyễn Du (đoạn Lê Lợi – Huỳnh Việt Thanh);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, chỉnh trang mặt đê đường Lê Lợi (Đoạn Quốc lộ 62 - Nguyễn Du) và đường Nguyễn Du (đoạn Lê Lợi – Huỳnh Việt Thanh), với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, chỉnh trang mặt đê đường Lê Lợi (Đoạn Quốc lộ 62 - Nguyễn Du) và đường Nguyễn Du (đoạn Lê Lợi – Huỳnh Việt Thanh).

2. Địa điểm xây dựng: Phường Kiến Tường, tỉnh Tây Ninh.

3. Cấp quyết định đầu tư: UBND phường Kiến Tường

4. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Kiến Tường

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng Nam Long;

6. Tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH TVXD Phú Hưng Vinh;

7. Loại, nhóm dự án; Loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: Dự án nhóm C; Công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, cấp IV;

8. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng cải tạo, chỉnh trang mở rộng và hạ nền đường tuyến đường trên, nhằm đảm bảo an toàn giao thông, đồng bộ và hoàn thiện mạng lưới giao thông đô thị Kiến Tường, tạo kết nối liên tục từ Quốc lộ 62 đến các khu dân cư, khu vực chợ, tuyến kè ven sông Vàm Cỏ Tây và bến tàu. Qua đó, đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương, vận chuyển hàng hóa, nâng cao khả năng tiếp cận các khu chức năng đô thị và khai thác hiệu quả không gian cảnh quan, giao thông ven sông. Đồng thời, tuyến đường góp phần nâng cao an toàn giao thông, chỉnh trang khu dân cư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và thúc đẩy phát triển thương mại – dịch vụ, phù hợp định hướng phát triển đô thị Kiến Tường.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

*** Giải pháp thiết kế chính:**

** Phần Giao thông - vỉa hè:*

- Tổng chiều dài tuyến đường: 495,75m, trong đó đường Lê Lợi (Đoạn Quốc lộ 62 - Nguyễn Du) dài 388,53m và đường Nguyễn Du (Đoạn Lê Lợi - Huỳnh Việt Thanh) dài 107,22m.

- Đường Lê Lợi (Đoạn Quốc lộ 62 - Nguyễn Du): Điểm đầu công trình: giáp Quốc lộ 62, điểm cuối công trình: giáp đường Nguyễn Du.

- Đường Nguyễn Du (Đoạn Lê Lợi - Huỳnh Việt Thanh): Điểm đầu công trình: giáp đường Lê Lợi, điểm cuối công trình: giáp đường Huỳnh Việt Thanh.

- Loại công trình: Đường giao thông đô thị (đường phố nội bộ), tốc độ thiết kế 40km/h.

- Tải trọng trục tính toán: 100KN.

- Kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng.

- Loại mặt đường: Bê tông nhựa cấp cao A1.

- Cao trình thiết kế tại tim đường: từ +3,50 (Cao độ Quốc gia - Hệ Hòn Dấu).

- Bề rộng mặt đường: 7,0m.

- Kết cấu mặt đường làm mới:

+ BTNC 12.5 dày 7cm, Ech>=120MPa.

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,5Kg/m2.

+ Lớp cấp phối đá dăm loại I, dày 15 cm, K>=0.98.

+ Lớp cấp phối đá dăm loại I, dày 15 cm, K>=0.98.

+ Nền đất đầm chặt, 30cm trên cùng, K>=0.95, Eo>=50MPa.

- Bó vỉa: Bó vỉa nằm tiếp giáp giữa mặt đường xe chạy và phần vỉa hè. Cao độ hoàn thiện đỉnh bó vỉa cao hơn mép đường 10cm. Bó vỉa đổ tại chổ bằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 300. Bê tông lót móng đá 1x2 mác 150. Tổng chiều dài bó vỉa là 989,91 m.

- Vỉa hè: Cào bóc lớp phong hoá, lớp bê tông xi măng hiện hữu của người dân để tạo mặt bằng thi công. Vật liệu cào bóc sẽ tận dụng, đắp tái lập, đắp bù cao độ vỉa hè. Thi công lớp CPDD loại 2 để nâng cao độ vỉa hè tăng độ ổn định và sức chịu tải của kết cấu. Lớp BT đá 1x2, M150 dày 5cm. Lát gạch Terrazo KT 300x300x50mm nhám màu ghi sáng.

Kết cấu vỉa hè (các lớp kết cấu theo thứ tự từ trên xuống):

+ Lát gạch vỉa hè gạch Terrazo KT 300x300x50mm

+ Vữa xi măng đệm M75 dày 2cm.

+ Lớp BT đá 1x2 M150 (B12.5) 5cm.

+ Lớp nilong ngăn cách.

+ Lớp CPDD loại II, dày 12cm, K=0.95.

+ Nền hiện trạng, đầm chặt, K>=0.90.

- Bó nền: Cặp theo phía đất dân xây dựng bó nền, kết cấu bằng bêtông đá 1x2 M.200. Tổng chiều dài bó nền là 850,12 m.

- Cây xanh: Xây dựng mới 77 bồn cây xanh bằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200. Lắp đặt gạch xi măng gốc cây.

- Bố trí hệ thống các biển báo, vạch sơn phù hợp với quy định hiện hành.

** Phần hệ thống thoát nước:*

- Làm mới tuyến cống thoát nước dọc hai bên tuyến có tổng chiều dài 895m, bao gồm: Cống D600 băng đường có cấp tải C dài 239m, Cống D600 vỉa hè có cấp tải tiêu chuẩn dài 599m và Cống D800 băng đường có cấp tải C dài 57m.

- Ống cống đúc sẵn bê tông cốt thép đá 1x2 M.300, tại nhà máy.

- Móng được đóng cừ tràm dài L = 4,0m.

- Mối nối cống: Sử dụng BTCT đổ tại chỗ đá 1x 2 M.200.

- Bố trí 45 hố ga bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200.

- Bố trí 44 hố thu nước mặt bằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ tương ứng tại vị trí hố ga. Móng hố thu đổ bê tông lót đá 1x2 mác 150.

** Phần điện chiếu sáng:*

- Lắp đặt mới 20 trụ đèn thép nhúng kẽm cao 8m vươn xa 1,5m đèn Led công suất 100W.

- Lắp đặt mới 02 tủ điều khiển chiếu sáng ngoài trời kích thước 775x480x325.

- Cáp nguồn đi ngầm trong hệ thống rãnh cáp, sử dụng Cáp điện CXV/DSTA 0,6/1kV -4x16mm2.

- Nguồn cấp điện: Dùng nguồn 1 pha 220V lấy tại trụ điện hiện hữu trên vỉa hè.

** Giải phóng mặt bằng:*

- Chi phí đền bù giải tỏa: Địa phương vận động người dân di dời các kiến trúc có liên quan ra khỏi mặt bằng phạm vi thi công công trình.

- Di dời hệ thống điện trung thế và hạ thế, kết hợp di dời hệ thống cấp nước hiện trạng.

*** Cơ sở xác định dự toán xây dựng.**

Dự toán xây dựng công trình được lập theo phương pháp khối lượng nhân đơn giá; khối lượng theo tính toán dựa vào hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công; đơn giá dự toán theo định mức của Bộ Xây dựng; đơn giá chi tiết áp dụng theo đơn giá quy định trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và đơn giá tương tự các công trình lân cận.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

10.1 Quy chuẩn xây dựng Việt Nam:

- QCVN 10:2024/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- QCVN 03:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng.

- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- QCVN 07: 2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 12: 2014 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng.

10.2 Tiêu chuẩn kỹ thuật:

a. Tiêu chuẩn thiết kế:

- TCVN 13592:2022 Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế.
- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.
- TCVN 7957:2023 Thoát nước mạng lưới bên ngoài và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình – Yêu cầu thiết kế.
- TCCS 41 :2022/TCĐBVN Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu.
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bêtông và bêtông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9361: 2012 Công tác nền móng – Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 4447:2012 Công tác đất – Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 9068:2012 Vật liệu lọc dạng hạt dùng trong xử lý nước sạch - Yêu cầu kỹ thuật.
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bêtông và bêtông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 4453-1995: Kết cấu bêtông và bêtông cốt khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu.
- TCVN 5575-2024: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9113: 2012 Quy trình thi công và nghiệm thu cống tròn bê tông cốt thép lắp ghép.
- TCVN 4085:2011 Kết cấu gạch đá - tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.
- TCVN 9070:2012 Ống nhựa gân xoắn HDPE.
- TCVN 9844:2013 Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đường ô tô trên đất yếu.
- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 7957: 2023 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài -Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 6477:2016 Gạch bê tông.
- TCVN 9206: 2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9207: 2012 Đặt dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4756-1989: Quy phạm nối đất và nối không các thiết bị điện.

- TCVN 9398-2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung.

b. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:

- TCVN 4447:2012: Công tác đất - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 9361:2012: Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 8859-2023: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ôtô – vật liệu, thi công và nghiệm thu.

- TCVN 9113: 2012: Quy trình thi công và nghiệm thu cống tròn bê tông cốt thép lắp ghép.

- TCVN 9070:2012: Ống nhựa gân xoắn HDPE.

- TCVN 9844:2013: Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đường ô tô trên đất yếu.

- TCVN 9362:2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.

- TCVN 9394:2012 về đóng và ép cọc - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN: 4453-1995: Tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng từng phần - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – quy phạm thi công và nghiệm thu.

- TCVN 2682: 2020 Xi măng Poocläng . Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 7570: 2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật

- TCVN 7572: 2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa. Phương pháp thử

- TCVN 10796: 2015 Cát mịn để làm bê tông và vữa

- TCVN 9340: 2012 Bê tông hỗn hợp trộn sẵn. Các yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu.

- TCVN 9377: 2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng. Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 4314: 2022 Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 4495: 1987 Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa xây dựng.

Và Các tiêu chuẩn Nhà nước, tiêu chuẩn Ngành có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư đầu tư xây dựng: **23.862.575.621 đồng**

(Hai mươi ba tỷ, tám trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, sáu trăm hai mươi mốt đồng).

Trong đó:

3.1. Chi phí GPMB di dời điện nước: **4.000.000.000 đồng**

3.2. Chi phí xây dựng công trình: **19.862.575.621 đồng**

- Chi phí xây lắp sau thuế: *16.914.840.181 đồng*

- Chi phí QLDA: *467.695.331 đồng*

- Chi phí tư vấn xây dựng: *1.126.930.272 đồng*

- Chi phí khác: *313.158.298 đồng*

- Chi phí dự phòng: *1.039.951.539 đồng*

12. Tiến đô thực hiện dự án: Năm 2025-2027 *(năm 2025 thực hiện chuẩn bị đầu tư; năm 2026 -2027 triển khai hoàn thành dự án).*

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh + ngân sách phường và các nguồn vốn hợp pháp khác.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tự thực hiện.

Điều 2. Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 nêu trên, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện công trình đúng trình tự, hoàn thành đúng thời gian, đảm bảo chất lượng và hiệu quả công trình.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường; Kho bạc nhà nước khu vực XVIII Phòng Giao dịch số 5 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND phường;
- Như Điều 3;
- CVP; các PCVP; NC;
- Lưu: VT, KTHTĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Lộc